TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 66/2023/HS-ST Ngày: 29 – 9 - 2023.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Bé Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hoàng.

2. Bà Lê Thị Thường.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Tiểu Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Trọng Hữu – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2023/TLST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2023/QĐXXST-HS ngày 15-9-2023 đối với:

Bị cáo: **Trần Chí H**, sinh ngày 13 tháng 6 năm 1988 tại huyện P, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thanh N và bà Phạm Thị H1 (đã chết); bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Tuyết M và 02 con (con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt theo quyết định truy nã và tạm giữ từ ngày 04-02-2023, tạm giam từ ngày 07-02-2023 đến nay tại Nhà tạm giữ - Công an huyện T. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Công ty trách nhiệm hữu hạn D1; địa chỉ: Ấp S, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại: Anh Mai Hùng C, sinh năm 1994; nơi cư trú: Tầng C, tháp Sarimi B, Số G, N, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt);

Người làm chứng:

- Anh Lê Thanh Hoàng H2, sinh năm 1992; nơi cư trú: Ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt);

- Anh Trịnh Hoàn N1, sinh năm 1998; nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt);

- Ông Châu Văn S, sinh năm 1978; nơi cư trú: Ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Ông Dương Ngọc N2, sinh năm 1974; nơi cư trú: Ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Ông Đặng Thanh P, sinh năm 1972; nơi cư trú: Ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Ông Hà Văn B, sinh năm 1988; nơi cư trú: Ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Bà Huỳnh Thị Thúy N3, sinh năm 1989; nơi cư trú: Ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Bà Lê Thị Mỹ H3, sinh năm 1982; nơi cư trú: Ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Bà Lê Thị T, sinh năm 1969; nơi cư trú: Ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Ông Lê Văn B1, sinh năm 1962; nơi cư trú: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1974; nơi cư trú: Ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Ông Lê Văn L, sinh năm 1971; nơi cư trú: Ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Ông Lê Văn T1, sinh năm 1975; nơi cư trú: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An

Giang (vắng mặt);

- Ông Lý Quốc S1, sinh năm 1977; nơi cư trú: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Ông Ngô Văn T2, sinh năm 1981; nơi cư trú: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Ông Nguyễn Bình N4, sinh năm 1964; nơi cư trú: Ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Ông Nguyễn Hoàng C1, sinh năm 1965; nơi cư trú: Ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Ông Nguyễn Văn B2, sinh năm 1968; nơi cư trú: Ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1976; nơi cư trú: Ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1964; nơi cư trú: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Ông Nguyễn Văn P1, sinh năm 1966; nơi cư trú: Ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1972; nơi cư trú: Ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Ông Phan Văn Q, sinh năm 1975; nơi cư trú: Ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Ông Thạch Văn K, sinh năm 1972; nơi cư trú: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Bà Trần Thị L2, sinh năm 1983; nơi cư trú: Ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Ông Võ Bình M1, sinh năm 1971; nơi cư trú: Ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Ông Huỳnh Việt H4, sinh năm 1973; nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Ông Lê Quang Đ1, sinh năm 1974; nơi cư trú: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Ông Lê Văn E, sinh năm 1963; nơi cư trú: Ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Ông Nguyễn Thanh H5, sinh năm 1981; nơi cư trú: Ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Ông Nguyễn Văn M2, sinh năm 1969; nơi cư trú: Ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Ông Đặng Văn K1, sinh năm 1969; nơi cư trú: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Ông Đoàn Văn K2, sinh năm 1986; nơi cư trú: Ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Ông Huỳnh Nam V, sinh năm 1985; nơi cư trú: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Ông Nguyễn Thành V1, sinh năm 1981; nơi cư trú: Ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Bà Nguyễn Thị H6, sinh năm 1989; nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Ông Trương Văn K3, sinh năm 1975; nơi cư trú: Ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Ông Lê Nhựt V2, sinh năm 1974; nơi cư trú: Ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Bà Bùi Thị Thanh T4, sinh năm 1984; nơi cư trú: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Anh Huỳnh Tranh Đ2, sinh năm 1996; nơi cư trú: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Ông Lê Văn N5, sinh năm 1972; nơi cư trú: Ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Ông Bùi Văn H7, sinh năm 1956; nơi cư trú: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Ông Thạch Hoàng S2, sinh năm 1984; nơi cư trú: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Ông Phan Thành Đ3, sinh năm 1986; nơi cư trú: Ấp T, xã V, huyện T,

tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Ông Trần Văn B3, sinh năm 1972; nơi cư trú: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Ông Nguyễn Hữu T5, sinh năm 1956; nơi cư trú: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Ông Lý Hữu Â, sinh năm 1985; nơi cư trú: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Ông Nguyễn Ngọc T6, sinh năm 1972; nơi cư trú: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Bà Lê Thị B4, sinh năm 1963; nơi cư trú: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Ông Đào Thanh Q1, sinh năm 1966; nơi cư trú: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/10/2021, Trần Chí H là nhân viên Công ty trách nhiệm Hữu hạn D1 (Công ty con của Công ty Cổ phần D1) đặt trụ sở tại ấp S, xã V, huyện T, đến ngày 01/02/2022, Công ty trách nhiệm Hữu hạn D1 (gọi tắt là Công ty) ký hợp đồng lao động chính thức với H trong thời hạn 12 tháng, tính từ ngày 01/02/2022 đến ngày 31/01/2023. Theo đó, H được phân công làm Tổ viên Hợp tác xã T8 có địa chỉ tại ấp M, xã Đ, huyện T phụ trách địa bàn xã Đ, xã V có nhiệm vụ: Trực tiếp triển khai cung ứng vật tư và dịch vụ nông nghiệp; quản lý công nợ của nông dân, thu hồi công nợ chuyển giao về Công ty. Lợi dụng nhiệm vụ được giao, từ ngày 14/12/2021 đến ngày 18/06/2022 H đã nhiều lần thu hồi công nợ từ khách hàng nhưng không nộp về Công ty theo quy định mà chiếm đoạt hoặc nâng khống, giả mạo nông dân ứng thuốc bảo vệ thực vật để chiếm đoạt thuốc bán ra thị trường, tiêu xài cá nhân. Đến tháng 06/2022, Lê Thanh Hoàng H2 (Tổ trưởng của H) yêu cầu H thu hồi công nợ từ nông dân để giao nộp cho Công ty, thì H thừa nhận đã chiếm đoạt thuốc trừ sâu và tiền của Công ty, tổng trị giá 455.129.760 đồng, cụ thể:

- H thu tiền công nợ từ việc bán thuốc bảo vệ thực vật của Đặng Văn K1 14.750.760 đồng, Đoàn Văn K2 2.995.650 đồng, Huỳnh Nam V 42.459.480 đồng, Nguyễn Thành V1 7.895.790 đồng, Nguyễn Thị H6 10.088.820 đồng, Trương Văn K3 9.298.900 đồng nhưng H không giao nộp về Công ty, mà chiếm đoạt tổng cộng 55.054.900 đồng.

- H nâng khống, giả mạo tên nông dân ứng 5.190 thuốc bảo vệ thực vật các loại, trị giá 400.074.860 đồng, gồm: Blockan 25SC 500ml, Fuan 40EC 480ml, Bạch Hổ 150SC 100ml, Obamax 25EC 480 ml,… Trong đó, khách hàng Lê Văn T1 73.404.505 đồng, Nguyễn Hữu T5 13.130.775 đồng, Lý Quốc S1 4.472.895 đồng, Lý Hữu Â 12.188.975 đồng, Lê Quang Đ1 28.487.590 đồng, Lê Nhựt V2 5.787.075 đồng, Bùi Thị Thanh T4 1.507.275 đồng, Huỳnh Tranh Đ2 10.879.995 đồng, Nguyễn Ngọc T6 11.059.440 đồng, Lê Văn N5 3.775.170 đồng, Lê Thị B4 3.582.600 đồng, Bùi Văn H7 6.099.975 đồng, Đào Thanh Q1 154.140 đồng, Thạch Hoàng S2 1.939.770 đồng, Phan Thành Đ3 1.004.850 đồng, Trần Văn B3 3.257.100 đồng, Châu Văn S 1.877.400 đồng, Dương Ngọc N2 5.991.300 đồng, Đặng Thanh P 2.474.640 đồng, Hà Văn B 9.094.050 đồng, Huỳnh Thị Thúy N3 9.369.860 đồng, Huỳnh Việt H4 28.601.950 đồng, Lê Thị Mỹ H3 9.783.600 đồng, Lê Thị T 2.198.025 đồng, Lê Văn B1 3.218.300 đồng, Lê Văn Đ 422.120 đồng, Lê Văn E 2.529.050 đồng, Lê Văn L 5.367.650 đồng, Ngô Văn T2 4.811.940 đồng, Nguyễn Bình N4 6.116.775 đồng, Nguyễn Hoàng C1 1.581.075 đồng, Nguyễn Thanh H5 8.252.650 đồng, Nguyễn Văn B2 1.947.560 đồng, Nguyễn Văn D 1.947.560 đồng, Nguyễn Văn L3 7.177.870 đồng, Nguyễn Văn M2 11.099.655 đồng, Nguyễn Văn P1 800.100 đồng, Nguyễn Văn T3 2.146.745 đồng, Phan Văn Q 13.983.900 đồng, Thạch Văn K 10.432.060 đồng, Trần Thị L2 26.090.560 đồng, Võ Bình M1 7.258.230 đồng.

Ngoài ra, trong tổng số thuốc bảo vệ thực vật H đã ứng từ Công ty nhưng chưa chiếm đoạt, gồm: 270 gói Anpuma 700WP 35 gram, trị giá 5.840.100 đồng; 05 chai Xevelo 120EC 500ml, trị giá 2.625.000 đồng; 05 chai Scooter 300EC 250ml, trị giá 1.069.950 đồng; 02 chai Blockan 25SC 500ml, trị giá 372.120 đồng; 20 chai Fuan 40EC 480ml, trị giá 1.360.800 đồng; 27 chai Bạch Hổ 150SC 100ml, trị giá 2.551.500 đồng; 18 chai Obamax 25EC 480 ml, trị giá

1.838.970 đồng; 22 gói Angate 75WP 100gram, giá 62.370đ/gói x 22, trị giá 1.247.400 đồng; 05 chai Citimycin 20SL 500ml, trị giá 346.500 đồng; 50 gói Totan 200WP 20gram, trị giá 666.750 đồng; 06 chai Weeder 300EC 500ml, trị giá 924.840 đồng; 13 chai HI-POTASSIUM C30 500ml, trị giá 1.417.000 đồng; 03 chai Silimax 500ml, trị giá 468.300 đồng. Tổng trị giá 20.729.230 đồng.

Như vậy, tổng trị giá tài sản H đã chiếm đoạt của Công ty theo giá của Hội đồng định giá là 455.129.760 đồng, nộp lại Công ty 20.729.230 đồng, chiếm đoạt 434.400.530 đồng.

Ngày 12/12/2022, H bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T khởi tố để điều tra. Do H bỏ trốn khỏi nơi cư trú nên bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T ra quyết định truy nã. Đến ngày 04/02/2023, H bị bắt theo quyết định truy nã.

Vật chứng thu giữ và xử lý vật chứng:

Các biên bản đối chiếu công nợ, xác nhận công nợ và giao nhận thuốc trừ sâu do Mai Hùng C giao nộp.

Kết luận định giá tài sản số 75 ngày 08/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, xác định:

Thuốc Angate 75WP 100gr trị giá 43.545.600 đồng = 56.700 đồng/gói x 768 gói. Amistar Top 325SC 250ml trị giá 62.609.085 đồng = 299.565 đồng/chai x 209 chai. Tilt Super 300EC 250ml trị giá 21.826.980 đồng = 213.990 đồng/chai x 102 chai. Bạch Hổ 150SC 100ml trị giá 45.738.000 đồng = 94.500 đồng/chai x 484 chai. DuPont Pexena 106SC 20ml trị giá 172.834.200 đồng = 100.485 đồng/gói x 1.720 gói. Boom Flower - n 500ml trị giá 6.840.000 đồng = 120.000 đồng/chai x 57 chai. Citimycin 20SL 500ml trị giá 1.732.500 đồng = 69.300 đồng/chai x 25 chai. EVITIN 50 SC 1 lít trị giá 10.231.620 đồng = 150.465 đồng/chai x 68 chai. Silimax 500 ml trị giá 1.404.900 đồng = 156.100 đồng/chai x 9 chai. Peran 50EC 480ml trị giá 3.431.925 đồng = 228.795 đồng/chai x 15 chai. Fuan 40EC 480ml trị giá 5.443.200 đồng = 68.040 đồng/chai x 80 chai. Totan 200WP 20gr trị giá 9.547.860 đồng = 13.335 đồng/gói x 716 gói. HI-POTASSIUM C30 500ml 14.061.000 đồng = 109.000

đồng/chai x 129 chai. Blockan 25SC 500ml trị giá 1.302.420 đồng = 186.060 đồng/chai x 7 chai. Anpuma 700WP 35 gram trị giá 14.275.800 đồng = 21.630 đồng/gói x 660 gói. Weeder 300EC 500ml trị giá 9.864.960 đồng = 154.140 đồng/chai x 64 chai. Xevelo 120EC 500ml trị giá 5.250.000 đồng = 525.000 đồng/chai x 10 chai. Paramax 400SC 250ml trị giá 24.851.820 đồng = 314.580 đồng/chai x 79 chai. Scooter 300EC 250ml trị giá 3.209.850 đồng = 213.990 đồng/chai x 15 chai. Obamax 25EC 480 ml trị giá 2.962.785 đồng = 102.165 đồng/chai x 29 chai. Tổng cộng 460.964.505 đồng.

Tại cơ quan điều tra,

Bị cáo khai nhận: Từ tháng 10-2021 đến ngày 21-7-2022, bị cáo là nhân viên làm việc cho công ty TNHH D1 (gọi tắt là công ty) và được giao nhiệm vụ tiếp cận nông dân địa bàn xã Đ, xã V để cung ứng vật tư nông nghiệp, quản lý và thu hồi công nợ cho Công ty. Trong quá trình thực hiện, bị cáo lợi dụng nhiệm vụ được giao đã nâng khống số lượng cung ứng thuốc bảo vệ thực vật cho nông dân, giả mạo thông tin của nông dân ứng thuốc bảo vệ thực vật từ công ty để bán ra bên ngoài, thu hồi công nợ nhưng không giao nộp về cho công ty theo quy định và chiếm đoạt tiền, thuốc bảo vệ thực vật của công ty có tổng giá trị theo định giá tài sản là 434.400.530 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại khai nhận: Bị cáo H là Tổ viên của hợp tác xã T8 được Lê Thanh Hoàng H2 phân công phụ trách địa bàn xã Đ, V thực hiện việc tiếp cận nông dân để cung ứng vật tư nông nghiệp, quản lý và thu hồi công nợ cho Công ty, quá trình thực hiện công việc H đã chiếm đoạt tài sản của Công ty có tổng giá trị theo định giá tài sản là 434.400.530 đồng. C yêu cầu H bồi thường theo giá sản phẩm của Công ty là 448.958.840 đồng cho Công ty.

Người làm chứng Lê Thanh Hoàng H2, Trịnh Hoàn N1 khai nhận: Bị cáo H là tổ viên trong nhóm "ba cùng" do Lê Thanh Hoàng H2 là tổ trưởng, được phân công nhiệm vụ hỗ trợ kỹ thuật, phân phối vật tư nông nghiệp và thu hồi công nợ cho công ty. Quá trình thực hiện công việc H đã chiếm đoạt tài sản của Công ty có tổng giá trị là 434.400.530 đồng.

Người làm chứng Châu Văn S, Dương Ngọc N2, Đặng Thanh P, Hà Văn B5, Huỳnh Thị Thúy N3, Lê Thị Mỹ H3, Lê Thị T, Lê Văn B1, Lê Văn Đ, Lê Văn L, Lê Văn T1, Lý Quốc S1, Ngô Văn T2, Trần Thị L2, Nguyễn Văn B2, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn L3, Nguyễn Văn P1, Nguyễn Văn T3, Phan Văn Q, Thạch Thị K4, Võ Bình M1, Lê Nhựt V2, Bùi Thị Thanh T4, Huỳnh Tranh Đ2, Lê Văn N6, Bùi Văn H7, Thạch Hoàng S2, Phan Thành Đ3, Trần Văn B3, Hồ Thị Út E1 khai nhận: Biết bị cáo H là nhân viên của công ty TNHH D1 thông qua việc H tổ chức Hội thảo giới thiệu cung ứng thuốc bảo vệ thực vật cho nông dân nên có cung cấp thông tin cá nhân cho H, nhưng hoàn toàn không mua hay ứng thuốc bảo vệ thực vật từ H và công ty D1.

Người làm chứng Nguyễn Bình N4, Nguyễn Hoàng C1, Huỳnh Việt H4, Lê quang Đ4, Lê Văn E, Nguyễn Thanh H5, Nguyễn Văn M2, Đặng Văn K1, Đoàn Văn K2, Huỳnh Nam V3, Nguyễn Thị H6, nguyễn Thành V4, Trương Văn K3, Nguyễn Hữu T5, Lý Quốc S1, Lý Hữu Â, Nguyễn Ngọc T6, Lê Thị B4, Đào Thanh Q1 khai nhận: Có mua thuốc bảo vệ thực vật từ H và công ty D1 nhưng đã thanh toán đầy đủ như đã thỏa thuận, hiện không còn nợ tiền H và công ty D1.

Tại Cáo trạng số: 61/CT-VKSTS-HS ngày 14-9-2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn truy tố bị cáo về tội "Tham ô tài sản" theo điểm c, d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa,

Bị cáo khai nhận về hành vi bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn đã truy tố đối với bị cáo. Bị cáo chiếm đoạt thuốc bảo vệ thực vật của Công ty và bán lại cho Trần Hoàng B6, Nguyễn Văn C2, bà Hồ Thị Út E1 (tên gọi khác: Năm N7) nhưng bị cáo không nói cho những người này biết thuốc là do bị cáo phạm tội mà có. Bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 448.958.840 đồng cho Công ty, nhưng xin được bồi thường trong thời gian chấp hành án và cam kết đến khi chấp hành án xong sẽ bồi thường hết số tiền trên cho Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại vắng mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng anh Lê Thanh Hoàng H2, anh Trịnh Hoàng N8 khai nhận: Vẫn giữ nguyên lời khai như trong quá trình điều tra vụ án.

Những người làm chứng khác vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo từ 08 đến 10 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04-02-2023.

- Về vật chứng của vụ án: Các biên bản đối chiếu công nợ, xác nhận công nợ và giao nhận thuốc trừ sâu do Mai Hùng C giao nộp (Bút lục số 265 - 327). Đề nghị tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo H bồi thường số tiền 448.958.840 đồng cho Công ty.

- Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có thu nhập ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo thống nhất quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, bị cáo không tranh luận bào chữa.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu

nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị hại có đơn xin vắng mặt; người làm chứng Châu Văn S, Dương Ngọc N2, Đặng Thanh P, Hà Văn B5, Huỳnh Thị Thúy N3, Lê Thị Mỹ H3, Lê Thị T, Lê Văn B1, Lê Văn Đ, Lê Văn L, Lê Văn T1, Lý Quốc S1, Ngô Văn T2, Trần Thị L2, Nguyễn Văn B2, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn L3, Nguyễn Văn P1, Nguyễn Văn T3, Phan Văn Q, Thạch Thị K4, Võ Bình M1, Lê Nhựt V2, Bùi Thị Thanh T4, Huỳnh Tranh Đ2, Lê Văn N6, Bùi Văn H7, Thạch Hoàng S2, Phan Thành Đ3, Trần Văn B3, Hồ Thị Út E1, Nguyễn Bình N4, Nguyễn Hoàng C1, Huỳnh Việt H4, Lê quang Đ4, Lê Văn E, Nguyễn Thanh H5, Nguyễn Văn M2, Đặng Văn K1, Đoàn Văn K2, Huỳnh Nam V3, Nguyễn Thị H6, nguyễn Thành V4, Trương Văn K3, Nguyễn Hữu T5, Lý Quốc S1, Lý Hữu Â, Nguyễn Ngọc T6, Lê Thị B4, Đào Thanh Q1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, mặc dù Tòa án đã tống đạt giấy triệu tập hợp lệ. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra vụ án; phù hợp với lời khai của người đại diện theo ủy quyền của bị hại; người làm chứng; kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với kết quả xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 10-2021 đến ngày 21-7-2022, bị cáo là nhân viên làm việc cho công ty TNHH D1 (gọi tắt là công ty) và được giao nhiệm vụ tiếp cận nông dân địa bàn xã Đ, xã V để cung ứng vật tư nông nghiệp, quản lý và thu hồi công nợ cho Công ty. Trong quá trình thực hiện, bị cáo lợi dụng nhiệm vụ được giao đã nhiều lần nâng khống số lượng cung ứng thuốc bảo vệ thực vật cho nông dân, giả mạo thông tin của nông dân ứng thuốc bảo vệ thực vật từ công ty để bán ra bên ngoài, thu hồi công nợ nhưng không giao nộp về cho công ty theo quy định và chiếm đoạt tiền, thuốc bảo vệ thực vật của công ty có tổng giá trị là 434.400.530 đồng. Hành vi của bị

cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Tham ô tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm: Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của doanh nghiệp được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương và tâm lý hoang mang trong hoạt động sản xuất nông nghiệp của nông dân. Bản thân bị cáo có đủ năng lực nhận thức được việc lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao để chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật nhưng do thiếu ý thức chấp hành pháp luật, lười lao động nhưng muốn phục vụ cho lợi ích cá nhân mà bị cáo đã có hành vi chiếm đoạt tài sản có giá trị lớn của bị hại. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo:

[4.1] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4.3] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Với tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, đấu tranh, phòng ngừa chung.

[6] Về vật chứng của vụ án: Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án các biên bản đối chiếu công nợ, xác nhận công nợ và giao nhận thuốc trừ sâu do Mai Hùng C giao nộp (Bút lục số 265 - 327).

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện theo ủy quyền của bị hại yêu cầu bị cáo H bồi thường 448.958.840 đồng cho Công ty. Bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 448.958.840 đồng cho Công ty, nhưng chưa đưa ra được phương án và thời gian bồi thường cụ thể nên cần buộc bị cáo bồi thường số tiền trên cho Công ty.

[8] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 353 của Bộ luật hình sự năm 2015 " *Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.*". Xét thấy, bị cáo không có thu nhập ổn định, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Đối với người mua thuốc bảo vệ thực vật từ bị cáo gồm có Trần Hoàng B6, Nguyễn Văn C2, bà Hồ Thị Út E1 (tên gọi khác: Năm N9) không biết thuốc bảo vệ thực vật mua được là do bị cáo phạm tội mà có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[11] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn phân tích về tính chất mức độ phạm tội, đặc điểm nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị tội danh, điều luật áp dụng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Chí H phạm tội "Tham ô tài sản".

1. Căn cứ điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Trần Chí H 08 (T7) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04-02-2023.

2. Căn cứ các Điều 274, 275, 357, 468, 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Buộc bị cáo Trần Chí H phải bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn D1 số tiền là 448.958.840 (*Bốn trăm bốn mươi tám triệu chín trăm năm mươi tám nghìn tám trăm bốn mươi*) đồng.

Kể từ ngày Công ty trách nhiệm hữu hạn D1 có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo chậm thi hành thì hàng tháng bị cáo phải chịu thêm lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về vật chứng của vụ án: Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án các biên bản đối chiếu công nợ, xác nhận công nợ và giao nhận thuốc trừ sâu do Mai Hùng C giao nộp (Bút lục số 265 - 327).

4. Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 21.958.354 (*Hai mươi mốt triệu chín trăm năm mươi tám nghìn ba trăm năm mươi bốn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5. Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Cơ quan điều tra CA huyện Thoại Sơn;
- Cơ quan THAHS huyện Thoại Sơn;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Bé Thi